

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/8/2023
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Anh Tuấn
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Phi Hùng
Ông Đặng Công Thắng
- *Thư ký phiên toà:* Bà Hà Lê Như Quỳnh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc “*ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Nhật M**, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 65 L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam (vắng mặt).
- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn V**, sinh năm 1975, chỗ ở hiện tại: Bradwater St, Fairfax, Hoa Kỳ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 23/02/2023, bản tự khai, ông Phạm Nhật M bày ý kiến như sau:* Ông và bà Nguyễn V kết hôn với nhau ngày 02/5/2019 tại Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung thời gian ngắn thì bà Nguyễn V về lại Mỹ. Từ đó tới nay vợ chồng ông đứt liên lạc, tình cảm vợ chồng không còn nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn V; về con chung, tài sản chung: Ông và bà Nguyễn V không có.

- *Bị đơn, bà Nguyễn V trình bày:* Bà và ông Phạm Nhật M tìm hiểu, có tình cảm nên tiến đến hôn nhân. Năm 2019, hai người tự nguyện kết hôn tại UBND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; sống chung với nhau vài ngày thì bà trở về

Hoa Kỳ. Bà làm hồ sơ bảo lãnh ông M sang Hoa Kỳ chung sống nhưng không được. Sau thời gian xa cách, ông M ở Việt Nam, bà có cuộc sống ở Hoa Kỳ nên không còn tình cảm như trước; vợ chồng xuất hiện mâu thuẫn không thể giải quyết, tình cảm phai nhạt và không còn liên lạc với nhau. Nay bà đồng ý yêu cầu ly hôn của ông M, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M; về con chung, tài sản, nợ chung: bà xác định không có. Bà không thể sắp xếp thời gian về Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Việt Nam để thực hiện thủ tục giải quyết yêu cầu ly hôn, đề nghị Tòa án không hòa giải, rút ngắn thời gian giải quyết, sớm đưa vụ án ra xét xử và đề nghị giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn, ông Phạm Nhật M là công dân Việt Nam, sống tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; bị đơn, bà Nguyen V cư trú tại Hoa Kỳ nên yêu cầu giải quyết ly hôn của ông Phạm Nhật M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Các bên đương sự đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật, có đề nghị Tòa án không mở phiên họp hòa giải, rút ngắn thời gian giải quyết và xét xử vắng mặt họ nên Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 474, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: ông Phạm Nhật M và bà Nguyen V kết hôn với nhau ngày 02/5/2019 tại Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Sau khi kết hôn, các bên sống chung một thời gian ngắn, sau đó mỗi người sống mỗi nơi không còn liên lạc, không gắn kết tình cảm với nhau. Đến nay các bên đều xác định không còn tình cảm với nhau, thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế hôn nhân giữa ông Phạm Nhật M và bà Nguyen V chỉ tồn tại về mặt hình thức, thực tế không sống chung, không thương yêu, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho ông Phạm Nhật M được ly hôn đối với bà Nguyen V là phù hợp.

[5] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí: ông Phạm Nhật M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 37, 38, 147, 228, 273, 464, 469, 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ: Các Điều 56, 81, 122, 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Phạm Nhật M đối với bà Nguyễn V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phạm Nhật M được ly hôn với bà Nguyễn V.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông Phạm Nhật M phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông M đã nộp theo Biên lai thu số 0009788 ngày 30/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; ông M đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn